TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2023/DSPT
Ngày: 31-7-2023
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quang

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Vỹ

Ông Nguyễn Minh Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Vy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 31-7-2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2023/TLPT-DS ngày 21-4-2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 22 tháng 02 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2023/QĐ-PT ngày 10-7-2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan V, sinh năm 1950 (Có mặt).

Địa chỉ nhà số 121/7 Nguyễn Thị Minh K, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1958 (Vắng mặt).

Địa chỉ nhà số 138A, đường Nguyễn Thị Minh K, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Trần Đức H, sinh năm 1965 (Có mặt).

Địa chỉ liên hệ nhà số 523 đường Cách Mạng Tháng T1, phường Phước N , thành phố Bà R, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Phan V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phan V trình bày: Ông V và ông Nguyễn Văn T là bạn bè. Ngày

29-3-2016, ông V cho ông T vay 200.000.000đ, có lập biên bản thỏa thuận thời hạn vay 03 tháng, lãi suất là 8%/03 tháng, (tức là 16.000.000đ lãi/03 tháng), ông T cam kết nếu quá hạn 01 tháng, ông T sẽ chịu phạt gấp 03 lần cả vốn lẫn lãi. Hết thời hạn vay, ông\ V yêu cầu trả nợ thì ông T không trả. Do vậy, ông V có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T trả cho ông V tổng số tiền là 4.795.917.422,4đ, trong đó, nợ gốc và nợ lãi là 1.198.979.350đ và tiền phạt là 3.596.938.066,8đ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Ông T xác nhận chữ ký và nội dung Giấy biên nhận và cam kết ngày 29-3-2016 giữa ông T và ông\ V là đúng. Ông T vay của ông V 200.000.000đ, thời hạn vay là 03 tháng, lãi suất 08%/tháng. Đến nay, ông T chưa trả nợ gốc và nợ lãi cho ông V đồng nào. Khi chưa hết thời hạn vay 03 tháng, ông V nhờ ông T thiết kế, đo vẽ, xin phép xây dựng nhà trên thửa đất số 13, tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại số 86/4, đường Hoàng Hoa T1. Hai bên thỏa thuận khi nào có bản vẽ thiết kế, giấy phép xây dựng thì sẽ thanh toán tiền thiết kế và xin phép xây dựng. Khi làm xong thủ tục trên, ông T đòi tiền thanh toán làm các thủ tục trên thì ông V nói sẽ sang nhượng phần đất của ông Dung bán cho ông V còn đang tranh chấp và còn đang nhờ ông T làm giấy tờ sang tên. Ông V còn nhờ ông T xây dựng nhà số 86 Hoàng Hoa T1 theo giấy phép, thiết kết mà ông T đang giữ. Đồng thời, ông V còn thảo hợp đồng xây nhà với ông T nhưng sau đó không thực hiện. Do hai bên có mối quan hệ tình cảm tin tưởng nên chỉ nói miệng sau khi xong toàn bộ các việc trên thì sẽ tính toán, khấu trừ. Do ông T không làm những việc ông V yêu cầu nên ông V đòi số tiền ông T vay nêu trên. Trước yêu cầu khởi kiện của ông V, ông T không đồng ý. Ông T yêu cầu ông V trả lại những việc đã thuê ông - Công ty Phú Cường (công ty gia đình ông) làm thủ tục sang nhượng đất từ ông Dung sang ông V. Ông T sẽ có đơn phản tố nộp cho Tòa chậm nhất là ngày 10-9-2022. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông T xác nhận ông T không có đơn yêu cầu phản tố. Ông T thừa nhận ông V số tiền 200.000.000đ theo Giấy biên nhận và cam kết ngày 29-3-2016 là đúng sự thực; Ông T không đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu của ông V mà chỉ đồng ý trả nợ gốc 200.000.000đ và nợ lãi theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 22 tháng 02 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố V đã căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và các Điều 280, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điểm d Khoản 1 Điều 12 và Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông V đối với ông T về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông T phải trả cho Việt tổng số tiền là 382.444.107đ trong đó, nợ gốc là 200.000.000đ, nợ lãi là 182.444.107đ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả; án phí; quyền kháng cáo và thời hạn thi hành bản án theo quy định.

Ngày 01-3-2023, nguyên đơn ông V có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 22-02-2023 của Toà án nhân dân thành phố V với nội dung: Yêu cầu Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V, buộc ông T phải thanh toán tổng cộng là 2.480.000.000đ, trong đó gồm nợ gốc là 200.000.000đ; nợ lãi là 420.000.000đ và tiền phạt là 1.860.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông\ V kháng cáo bản án sơ thẩm vì Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 là không đúng; bản án sơ thẩm không chấp nhận thỏa thuận phạt gốc và lãi theo thỏa thuận giữa ông và ông T, đồng thời không áp dụng chế tài đối với ông T để đảm bảo quyền lợi cho ông là không đúng. Tuy nhiên sau khi nghe Hội đồng xét xử phúc thẩm giải thích thì ông V đã thỏa mãn 02 nội dung kháng cáo về việc áp dụng pháp luật và chế tài trong giai đoạn thi hành án; còn việc bản án sơ thẩm không chấp nhận phạt gốc và lãi theo thỏa thuận trong Giấy biên nhận và cam kết ngày 29-3-2016 giữa ông và ông T là không đúng nên ông\ V đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giải quyết theo quy định.

Ông H đại diện theo ủy quyền của ông T không có ý kiến gì mà đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

[1]. Việc tuân thủ pháp luật: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2]. Quan điểm về tố tụng và nội dung vụ án:

Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Ông T thừa nhận vay ông V 200.000.000đ theo Giấy biên nhận và cam kết ngày 29-3-2016 nên án sơ thẩm buộc ông T phải trả cho ông V 200.000.000đ tiền gốc là đúng.

Về thỏa thuận phạt gấp 3 lần nợ gốc và nợ lãi: Thỏa thuận này không phù hợp pháp luật nên án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của ông V là đúng.

Về nợ lãi: Ông V và ông T có tranh chấp về lãi suất cho vay nên án sơ thẩm áp dụng các quy định của pháp luật về tính lãi suất trong hạn và quá hạn theo Bộ luật Dân sự năm 2005 và 2015, cũng như lãi trên nợ lãi để buộc ông T phải trả cho ông\ V tổng cộng các khoản là 382.444.107đ là có căn cứ pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định về các nội dung kháng cáo của ông V đối với bản án sơ thẩm như sau:

[1]. Về số nợ gốc:

Căn cứ vào Giấy biên nhận và cam kết lập ngày 29-3-2016 (BL 10) được ông T và ông H đại diện theo ủy quyền của ông T xác nhận thì ông T vay ông V 200.000.000đ vào ngày 29-3-2016, thời hạn vay là 03 tháng, từ ngày 29-3-2016 đến ngày 29-6-2016 nhưng cho đến nay ông T chưa trả được cho ông V số tiền nào nên án sơ thẩm buộc ông T phải trả 200.000.000đ nợ gốc cho ông V là đúng.

[2]. Nội dung kháng cáo của ông V cho rằng "*Việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng luật để tính tổng số nợ lãi mà ông T phải trả cho ông V là không đúng theo quy định của pháp luật*":

Trong Giấy biên nhận và cam kết lập ngày 29-3-2016 thì ông V và ông T thỏa thuận với nhau về mức lãi suất là "*lãi suất thỏa thuận là 8%*", xét thấy việc thỏa thuận về mức lãi suất cho vay giữa ông V và ông T không ghi cụ thể rõ ràng là 8% của 01 tháng, hay 03 tháng, hoặc 01 năm, do đó khi xảy ra tranh chấp thì ông V và ông T không thống nhất được với nhau về mức lãi suất cho vay, do đó án sơ thẩm đã áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 2015 và các văn bản dưới luật có liên quan để tính lãi trong hạn, lãi quá, lãi trên nợ lãi để buộc ông T phải trả cho ông V tổng cộng là 182.444.107đ là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên là không chấp nhận phần kháng cáo này của ông V.

[3]. Nội dung kháng cáo của ông V cho rằng "*Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng chế tài đối với ông T để đảm bảo việc trả nợ cho ông V là không đúng*":

Nhận thấy, trong phần quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên xử ông T phải chịu lãi suất chậm trả kể từ ngày ông V có đơn yêu cầu thi hành án và đây chính là chế tài mà pháp luật đã quy định để đảm bảo quyền lợi cho ông V trong giai đoạn thi hành án, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên là phần kháng cáo này của ông V là không đúng nên không được chấp nhận.

[4]. Nội dung kháng cáo của ông V đối với thỏa thuận phạt trong Giấy biên nhận và cam kết lập ngày 29-3-2016:

Trong Giấy biên nhận và cam kết lập ngày 29-3-2016 thì ông V và ông T có thỏa thuận "…*nếu quá hạn sau một tháng…tôi* (tức ông T) *xin cam kết trả lại cho ông V gấp 03 lần cả vốn và lãi*". Xét thấy, việc thỏa thuận về mức lãi suất giữa ông V và ông T là không rõ ràng, mặt khác trong phần nhận định của bản án sơ thẩm đã nhận định "*cho dù hai bên có thỏa thuận lãi suất 8%/1 tháng hoặc 8%/3*

tháng thì…đều vượt quá mức lãi suất cơ bản tại thời điểm vay…", nhận định này của bản án sơ thẩm là có căn cứ, do đó nội dung ông\ V và ông T thỏa thuận phạt "*gấp 03 lần cả vốn và lãi*" trong Giấy biên nhận và cam kết lập ngày 29-3-2016 là cũng không phù hợp với các quy định của pháp luật. Tuy nhiên quá trình khởi kiện thì ông V có yêu cầu phạt đối với ông T số tiền là 3.596.938.066,8đ nhưng không được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết trong phần nhận định và quyết định của bản án sơ thẩm là có sai sót về mặt tố tụng, nhưng xét nội dung thỏa thuận "*phạt gấp 03 lần cả vốn và lãi*" giữa ông V và ông T là không phù hợp pháp luật nên mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót về mặt tố tụng nhưng sự sai sót này cũng không làm thay đổi bản chất nội dung vụ án, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên là phần kháng cáo này của ông V là không có căn cứ pháp luật nên giữ nguyên bản án sơ thẩm nhưng cần lưu ý Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm về vấn đề này.

Ông V và ông T đều không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

Áp dụng Khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự:

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan V; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2023/DS-ST ngày 22-02-2023 của Toà án nhân dân thành phố V, tuyên xử như sau:

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan V đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản". Buộc ông Nguyễn Văn T phải trả cho Phan V tổng số tiền là 382.444.107đ (Ba trăm tám mươi hai triệu, bốn trăm bốn mươi bốn ngàn, một trăm linh bảy đồng) trong đó, gồm nợ gốc là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), nợ lãi là 182.444.107đ (một trăm tám mươi hai triệu, bốn trăm bốn mươi bốn ngàn, một trăm linh bảy đồng) theo Giấy biên nhận và cam kết lập ngày 29-3-2016.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả thêm một khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho bên được thi hành án..

[2]. Án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan V và ông Nguyễn Văn T đều được miễn án phí theo qui định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 31-7-2023).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND TP. Vũng Tàu;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Quang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Châu **Cao Minh Vỹ** **Nguyễn Thị Quang**